

THƯ VIỆN

TRƯỜNG: THCS THANH LIỆT

SỔ ĐĂNG KÝ CÁ BIỆT

Số:...../TVTH

Từ ngày: 01/04/2013 đến ngày 08/04/2023

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/12/2021	000001	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
2	07/12/2021	000002	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
3	07/12/2021	000003	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
4	07/12/2021	000004	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
5	07/12/2021	000005	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
6	07/12/2021	000006	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
7	07/12/2021	000007	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
8	07/12/2021	000008	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
9	07/12/2021	000009	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
10	07/12/2021	000010	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
11	07/12/2021	000011	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
12	07/12/2021	000012	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
13	07/12/2021	000013	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
14	07/12/2021	000014	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
15	07/12/2021	000015	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
16	07/12/2021	000016	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
17	07/12/2021	000017	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
18	07/12/2021	000018	TÔN THÂN - Bài tập toán 7 tập 1
19	09/12/2021	000001	VŨ ĐỨC LƯU - Bài tập sinh học 9
20	10/12/2021	000001	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập một
21	10/12/2021	000002	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập một
22	10/12/2021	000003	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập một
23	10/12/2021	000004	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập một
24	10/12/2021	000005	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập một
25	10/12/2021	000006	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,700	01	57 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2017	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2017	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2017	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2017	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2017	7,200	01	51(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
26	10/12/2021	000007	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập một
27	10/12/2021	000008	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập một
28	10/12/2021	000009	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập một
29	10/12/2021	000010	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập một
30	10/12/2021	000011	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập một
31	10/12/2021	000012	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập một
32	10/12/2021	000013	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập một
33	10/12/2021	000014	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập một
34	10/12/2021	000001	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
35	10/12/2021	000002	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
36	10/12/2021	000003	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
37	10/12/2021	000004	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
38	10/12/2021	000005	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
39	10/12/2021	000006	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
40	10/12/2021	000007	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
41	10/12/2021	000008	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
42	10/12/2021	000009	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
43	10/12/2021	000010	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
44	10/12/2021	000011	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
45	10/12/2021	000012	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
46	10/12/2021	000013	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
47	10/12/2021	000014	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
48	10/12/2021	000015	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
49	10/12/2021	000016	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai
50	10/12/2021	000017	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 7 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2017	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2017	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	4,200	01	51(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
51	10/12/2021	000003	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
52	10/12/2021	000004	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
53	10/12/2021	000005	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
54	10/12/2021	000006	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
55	10/12/2021	000007	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
56	10/12/2021	000008	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
57	10/12/2021	000009	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
58	10/12/2021	000010	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
59	10/12/2021	000011	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
60	10/12/2021	000012	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
61	10/12/2021	000013	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
62	10/12/2021	000014	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
63	10/12/2021	000015	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
64	10/12/2021	000016	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
65	10/12/2021	000017	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
66	10/12/2021	000018	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
67	10/12/2021	000019	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
68	10/12/2021	000020	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
69	10/12/2021	000021	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
70	10/12/2021	000022	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
71	10/12/2021	000023	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
72	10/12/2021	000024	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
73	10/12/2021	000025	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
74	10/12/2021	000026	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
75	10/12/2021	000027	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,700	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,700	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,700	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,700	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,700	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,700	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,700	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,700	01	51(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
76	10/12/2021	000001	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
77	10/12/2021	000002	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập hai
78	10/12/2021	000001	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
79	10/12/2021	000002	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
80	10/12/2021	000003	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
81	10/12/2021	000004	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
82	10/12/2021	000005	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
83	10/12/2021	000006	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
84	10/12/2021	000007	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
85	10/12/2021	000008	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
86	10/12/2021	000009	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
87	10/12/2021	000010	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
88	10/12/2021	000011	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
89	10/12/2021	000012	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
90	10/12/2021	000013	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
91	10/12/2021	000014	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
92	10/12/2021	000015	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
93	10/12/2021	000016	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
94	10/12/2021	000017	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
95	10/12/2021	000018	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
96	10/12/2021	000019	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
97	10/12/2021	000020	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
98	10/12/2021	000021	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
99	10/12/2021	000022	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
100	10/12/2021	000023	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
101	10/12/2021	000024	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
102	10/12/2021	000025	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
103	10/12/2021	000026	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
104	10/12/2021	000027	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
105	10/12/2021	000028	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
106	10/12/2021	000029	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
107	10/12/2021	000030	PHAN ĐỨC CHÍNH - toán 8 tập một
108	13/12/2021	000001	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 6
109	13/12/2021	000002	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 6
110	13/12/2021	000003	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 6
111	13/12/2021	000001	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 7
112	13/12/2021	000002	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 7
113	13/12/2021	000003	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 7
114	13/12/2021	000004	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 7
115	13/12/2021	000001	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
116	13/12/2021	000002	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
117	13/12/2021	000003	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
118	13/12/2021	000004	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
119	13/12/2021	000005	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
120	13/12/2021	000006	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
121	13/12/2021	000007	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
122	13/12/2021	000008	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
123	13/12/2021	000009	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
124	13/12/2021	000010	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8
125	13/12/2021	000011	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 8

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,700	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	6,700	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,700	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	14,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	14,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	14,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	10,800	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	11,600	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	99,000	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,600	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,600	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,600	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,600	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	99,000	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	99,000	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	90,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	90,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	90,000	01	91(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
126	13/12/2021	000012	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 8
127	13/12/2021	000013	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 8
128	13/12/2021	000001	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 9
129	13/12/2021	000001	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
130	13/12/2021	000002	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
131	13/12/2021	000002	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 9
132	13/12/2021	000003	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 9
133	13/12/2021	000004	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 9
134	13/12/2021	000003	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
135	13/12/2021	000004	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
136	13/12/2021	000005	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
137	13/12/2021	000006	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
138	13/12/2021	000007	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
139	13/12/2021	000008	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
140	13/12/2021	000009	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
141	13/12/2021	000005	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 9
142	13/12/2021	000006	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 9
143	13/12/2021	000010	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
144	13/12/2021	000011	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
145	13/12/2021	000012	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
146	13/12/2021	000013	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
147	13/12/2021	000014	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
148	13/12/2021	000015	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
149	13/12/2021	000016	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
150	13/12/2021	000007	NGUYỄN DUỖC - SGK Địa lí 9

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	90,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	90,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	99,000	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,500	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,500	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,500	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,900	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	11,500	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	11,500	01	91		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,800	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,500	01	91(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
151	13/12/2021	000008	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 9
152	13/12/2021	000017	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
153	13/12/2021	000018	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
154	13/12/2021	000019	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập hai
155	13/12/2021	000009	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 9
156	13/12/2021	000010	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 9
157	13/12/2021	000011	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 9
158	13/12/2021	000012	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 9
159	13/12/2021	000013	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 9
160	13/12/2021	000014	NGUYỄN DƯỠC - SGK Địa lí 9
161	13/12/2021	000001	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
162	13/12/2021	000002	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
163	13/12/2021	000003	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
164	13/12/2021	000004	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
165	13/12/2021	000005	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
166	13/12/2021	000006	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
167	13/12/2021	000007	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
168	13/12/2021	000008	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
169	13/12/2021	000001	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 6
170	13/12/2021	000009	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
171	13/12/2021	000010	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
172	13/12/2021	000011	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
173	13/12/2021	000012	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
174	13/12/2021	000013	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
175	13/12/2021	000014	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,500	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,300	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,300	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,300	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	9,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	9,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	9,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	9,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	9,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	9,000	01	91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	4,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
176	13/12/2021	000015	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
177	13/12/2021	000016	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
178	13/12/2021	000017	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
179	13/12/2021	000018	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
180	13/12/2021	000019	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
181	13/12/2021	000020	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
182	13/12/2021	000021	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
183	13/12/2021	000022	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
184	13/12/2021	000023	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
185	13/12/2021	000024	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập một
186	13/12/2021	000002	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 6
187	13/12/2021	000003	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 6
188	13/12/2021	000001	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
189	13/12/2021	000002	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
190	13/12/2021	000003	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
191	13/12/2021	000004	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
192	13/12/2021	000005	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
193	13/12/2021	000006	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
194	13/12/2021	000007	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
195	13/12/2021	000004	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 6
196	13/12/2021	000005	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 6
197	13/12/2021	000006	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 6
198	13/12/2021	000001	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 9
199	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
200	13/12/2021	000001	- ngữ văn 6 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	4,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	4,400	01	9		
					Giáo dục	HN	2004	7,300	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	9,600	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	9,600	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	3,700	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	3,700	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	3,700	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	12,600	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	8,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,500	01	8(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
201	13/12/2021	000002	- ngữ văn 6 tập một
202	13/12/2021	000003	- ngữ văn 6 tập một
203	13/12/2021	000004	- ngữ văn 6 tập một
204	13/12/2021	000005	- ngữ văn 6 tập một
205	13/12/2021	000006	- ngữ văn 6 tập một
206	13/12/2021	000007	- ngữ văn 6 tập một
207	13/12/2021	000008	- ngữ văn 6 tập một
208	13/12/2021	000002	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 9
209	13/12/2021	000003	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 9
210	13/12/2021	000004	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 9
211	13/12/2021	000001	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
212	13/12/2021	000008	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
213	13/12/2021	000009	LÊ XUÂN TRỌNG - Hóa học 8
214	13/12/2021	000002	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
215	13/12/2021	000001	VŨ QUANG - Vật Lý 9
216	13/12/2021	000002	VŨ QUANG - Vật Lý 9
217	13/12/2021	000003	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
218	13/12/2021	000001	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 6
219	13/12/2021	000003	VŨ QUANG - Vật Lý 9
220	13/12/2021	000004	VŨ QUANG - Vật Lý 9
221	13/12/2021	000005	VŨ QUANG - Vật Lý 9
222	13/12/2021	000006	VŨ QUANG - Vật Lý 9
223	13/12/2021	000002	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 6
224	13/12/2021	000001	VŨ QUANG - Vật lý 8
225	13/12/2021	000002	VŨ QUANG - Vật lý 8

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,300	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,300	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,300	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,300	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,300	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,300	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,300	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	12,600	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	12,600	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	7,500	01	9		
					Giáo dục	HN	2005	9,800	01	54(075)		
					Giáo dục	HN	2005	9,800	01	54(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2003	7,500	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	9,900	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	9,900	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	9,600	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,900	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,900	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,900	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	7,600	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	11,000	01	7		
					Giáo dục	HN	2009	5,400	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,400	01	53(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
226	13/12/2021	000001	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 7
227	13/12/2021	000003	VŨ QUANG - Vật lý 8
228	13/12/2021	000004	VŨ QUANG - Vật lý 8
229	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
230	13/12/2021	000002	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 7
231	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
232	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
233	13/12/2021	000005	VŨ QUANG - Vật lý 8
234	13/12/2021	000006	VŨ QUANG - Vật lý 8
235	13/12/2021	000007	VŨ QUANG - Vật lý 8
236	13/12/2021	000003	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 7
237	13/12/2021	000004	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 7
238	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
239	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
240	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
241	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
242	13/12/2021	000009	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
243	13/12/2021	000010	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
244	13/12/2021	000011	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
245	13/12/2021	000005	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 7
246	13/12/2021	000006	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 7
247	13/12/2021	000001	VŨ QUANG - Vật lý 7
248	13/12/2021	000002	VŨ QUANG - Vật lý 7
249	13/12/2021	000003	VŨ QUANG - Vật lý 7
250	13/12/2021	000004	VŨ QUANG - Vật lý 7

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,600	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,400	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,400	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	8,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2003	9,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,500	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2004	4,900	01	53(075)		
					Giáo dục	HN	2004	4,900	01	53(075)		
					Giáo dục	HN	2004	4,900	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,600	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,600	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,400	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,400	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,400	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,400	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,400	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,400	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,400	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	11,600	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	11,600	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,600	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,600	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	5,500	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	5,500	01	53(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
251	13/12/2021	000004	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
252	13/12/2021	000005	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
253	13/12/2021	000006	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
254	13/12/2021	000007	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
255	13/12/2021	000001	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 8
256	13/12/2021	000002	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 8
257	13/12/2021	000001	VŨ QUANG - Vật lý 6
258	13/12/2021	000002	VŨ QUANG - Vật lý 6
259	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
260	13/12/2021	000003	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 8
261	13/12/2021	000004	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 8
262	13/12/2021	000003	VŨ QUANG - Vật lý 6
263	13/12/2021	000004	VŨ QUANG - Vật lý 6
264	13/12/2021	000008	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
265	13/12/2021	000009	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
266	13/12/2021	000010	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 7
267	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
268	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
269	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
270	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
271	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
272	13/12/2021	000005	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 8
273	13/12/2021	000006	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 8
274	13/12/2021	000007	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 8
275	13/12/2021	000008	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 8

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,200	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,200	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,200	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,200	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,600	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,600	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,000	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,000	01	53(075)		
					Giáo dục	HN	2003	7,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	99,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	99,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,000	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,000	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	9		
					Giáo dục	HN	2018	9,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2018	9,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2012	9,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2012	9,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2012	9,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	9,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	9,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	9,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	9,000	01	7		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
276	13/12/2021	000001	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
277	13/12/2021	000005	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
278	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
279	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
280	13/12/2021	000009	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
281	13/12/2021	000010	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
282	13/12/2021	000011	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
283	13/12/2021	000012	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập một
284	13/12/2021	000002	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
285	13/12/2021	000003	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
286	13/12/2021	000004	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
287	13/12/2021	000001	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
288	13/12/2021	000001	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 9
289	13/12/2021	000002	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 9
290	13/12/2021	000003	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 9
291	13/12/2021	000004	HOÀNG LONG - SGK Âm nhạc và mỹ thuật 9
292	13/12/2021	000006	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
293	13/12/2021	000007	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
294	13/12/2021	000008	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
295	13/12/2021	000009	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
296	13/12/2021	000002	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
297	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
298	13/12/2021	000001	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
299	13/12/2021	000002	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
300	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,400	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	6,400	01	51(075)		
					Giáo dục	HN	2010	8,200	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	8,200	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	8,200	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	8,200	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	8,200	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	8,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2019	8,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2019	8,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2019	8,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	9,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,800	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	6,700	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	6,700	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	6,700	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,400	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,400	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	5,500	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	7,300	01	9		
					Giáo dục	HN	2003	6,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	5,000	01	51(075)		
					Giáo dục	HN	2014	7,800	01	8(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
301	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
302	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
303	13/12/2021	000003	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
304	13/12/2021	000004	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
305	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
306	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
307	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
308	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
309	13/12/2021	000009	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
310	13/12/2021	000005	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
311	13/12/2021	000006	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
312	13/12/2021	000007	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 1
313	13/12/2021	000010	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
314	13/12/2021	000011	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
315	13/12/2021	000012	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
316	13/12/2021	000013	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
317	13/12/2021	000014	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
318	13/12/2021	000015	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
319	13/12/2021	000016	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
320	13/12/2021	000017	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
321	13/12/2021	000018	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 7 tập hai
322	13/12/2021	000008	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
323	13/12/2021	000009	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
324	13/12/2021	000010	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
325	13/12/2021	000011	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo dục	HN	2018	7,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2018	7,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	5,000	01	51(075)		
					Giáo dục	HN	2012	7,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2012	7,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2012	7,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2012	7,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	5,000	01	51(075)		
					Giáo dục	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
326	13/12/2021	000012	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
327	13/12/2021	000013	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
328	13/12/2021	000014	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 6 tập 2
329	13/12/2021	000003	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
330	13/12/2021	000004	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
331	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
332	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
333	13/12/2021	000005	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
334	13/12/2021	000006	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
335	13/12/2021	000007	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
336	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
337	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
338	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
339	13/12/2021	000001	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 6
340	13/12/2021	000002	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 6
341	13/12/2021	000003	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 6
342	13/12/2021	000008	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
343	13/12/2021	000009	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
344	13/12/2021	000010	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
345	13/12/2021	000011	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 8
346	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
347	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
348	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
349	13/12/2021	000009	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
350	13/12/2021	000010	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	9,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	9,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	7,300	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	7,300	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	7,300	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,300	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,300	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,300	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
351	13/12/2021	000011	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
352	13/12/2021	000012	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
353	13/12/2021	000013	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
354	13/12/2021	000014	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập một
355	13/12/2021	000004	HÀ NHẬT THĂNG - Giáo dục công dân 6
356	13/12/2021	000005	HÀ NHẬT THĂNG - Giáo dục công dân 6
357	13/12/2021	000006	HÀ NHẬT THĂNG - Giáo dục công dân 6
358	13/12/2021	Nghe 9-000001	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG - Công nghệ 9 Lắp đặt mạng điện trong nhà
359	13/12/2021	Nghe 9-000002	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG - Công nghệ 9 Lắp đặt mạng điện trong nhà
360	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
361	13/12/2021	000001	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
362	13/12/2021	000001	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 7
363	13/12/2021	Nghe 9-000003	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG - Công nghệ 9 Lắp đặt mạng điện trong nhà
364	13/12/2021	Nghe 9-000004	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG - Công nghệ 9 Lắp đặt mạng điện trong nhà
365	13/12/2021	000002	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
366	13/12/2021	nghe 8-000001	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG - Công nghệ 8 Công nghiệp
367	13/12/2021	000002	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 7
368	13/12/2021	000003	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
369	13/12/2021	nghe 8-000002	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG - Công nghệ 8 Công nghiệp
370	13/12/2021	nghe 8-000003	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG - Công nghệ 8 Công nghiệp
371	13/12/2021	000003	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 7
372	13/12/2021	000004	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
373	13/12/2021	000005	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
374	13/12/2021	000006	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
375	13/12/2021	000007	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,200	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,800	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,800	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,800	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	4,400	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	4,400	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	7,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,000	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2003	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	4,400	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2007	3,400	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,000	01	9		
					Giáo dục	HN	2004	11,500	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	3,400	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	8,500	01	9		
					Giáo dục	HN	2018	14,800	01	608(075)		
					Giáo dục	HN	2018	14,800	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,400	01	9		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
376	13/12/2021	000008	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
377	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
378	13/12/2021	nghe 8-000004	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 8 Công nghiệp
379	13/12/2021	nghe 8-000005	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 8 Công nghiệp
380	13/12/2021	000004	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 7
381	13/12/2021	000005	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 7
382	13/12/2021	000006	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 7
383	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
384	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
385	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
386	13/12/2021	000009	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
387	13/12/2021	000010	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
388	13/12/2021	000011	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
389	13/12/2021	000012	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
390	13/12/2021	000013	PHAN NGỌC LIÊN - Lịch sử 9
391	13/12/2021	000007	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 7
392	13/12/2021	000008	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 7
393	13/12/2021	nghe 7-000001	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 7 Nông nghiệp
394	13/12/2021	nghe 7-000002	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 7 Nông nghiệp
395	13/12/2021	000009	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 7
396	13/12/2021	000010	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 7
397	13/12/2021	nghe 7-000003	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 7 Nông nghiệp
398	13/12/2021	nghe 7-000004	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 7 Nông nghiệp
399	13/12/2021	nghe 7-000005	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 7 Nông nghiệp
400	13/12/2021	000001	HÀ NHẬT THẮNG - SGK Giáo dục công dân 8

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,400	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	7,800	01	8(075)		
					Giáo dục	HN	2012	14,800	01	608(075)		
					Giáo dục	HN	2012	14,800	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	8,500	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	8,500	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	8,500	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	8,500	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	8,500	01	9		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	3,400	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	3,400	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,800	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,800	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2007	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2007	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,800	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,900	01	608(075)		
					Giáo dục	HN	2003	9,000	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	3,400	01	371 (075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
401	13/12/2021	000002	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
402	13/12/2021	000003	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
403	13/12/2021	000004	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
404	13/12/2021	nghe 6-000001	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 6 Kinh tế gia đình
405	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
406	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
407	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
408	13/12/2021	000009	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
409	13/12/2021	000010	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
410	13/12/2021	000011	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
411	13/12/2021	000012	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
412	13/12/2021	nghe 6-000002	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 6 Kinh tế gia đình
413	13/12/2021	nghe 6-000003	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 6 Kinh tế gia đình
414	13/12/2021	nghe 6-000004	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 6 Kinh tế gia đình
415	13/12/2021	000005	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
416	13/12/2021	000006	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
417	13/12/2021	000007	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
418	13/12/2021	000008	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
419	13/12/2021	000009	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
420	13/12/2021	000013	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
421	13/12/2021	000014	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
422	13/12/2021	000015	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
423	13/12/2021	000016	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
424	13/12/2021	000017	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
425	13/12/2021	000018	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	3,400	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2007	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2007	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	10,200	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2002	8,000	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2002	8,000	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2002	8,000	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	2,900	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	8(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
426	13/12/2021	000019	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 8 tập hai
427	13/12/2021	000010	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
428	13/12/2021	000011	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
429	13/12/2021	000012	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
430	13/12/2021	000013	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
431	13/12/2021	000014	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
432	13/12/2021	000015	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 8
433	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
434	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
435	13/12/2021	000001	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 9
436	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
437	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
438	13/12/2021	000002	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 9
439	13/12/2021	000003	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 9
440	13/12/2021	000004	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 9
441	13/12/2021	000005	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 9
442	13/12/2021	000006	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 9
443	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
444	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
445	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
446	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
447	13/12/2021	000001	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 9
448	13/12/2021	000002	HÀ NHẬT THĂNG - SGK Giáo dục công dân 9
449	13/12/2021	000001	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 8
450	13/12/2021	000009	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	2,600	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	8,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	8,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	12,100	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,100	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,100	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	14,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	14,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	14,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	11,000	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	11,000	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,100	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,100	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,100	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,100	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	2,800	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	2,800	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	15,500	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,500	01	8(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
451	13/12/2021	000010	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
452	13/12/2021	000011	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
453	13/12/2021	000012	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
454	13/12/2021	000013	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
455	13/12/2021	000014	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập một
456	13/12/2021	000002	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 8
457	13/12/2021	000003	HÀ NHẬT THĂNG - SGk Giáo dục công dân 9
458	13/12/2021	000004	HÀ NHẬT THĂNG - SGk Giáo dục công dân 9
459	13/12/2021	000003	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 8
460	13/12/2021	000004	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 8
461	13/12/2021	000005	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 8
462	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
463	13/12/2021	000005	HÀ NHẬT THĂNG - SGk Giáo dục công dân 9
464	13/12/2021	000006	HÀ NHẬT THĂNG - SGk Giáo dục công dân 9
465	13/12/2021	000007	HÀ NHẬT THĂNG - SGk Giáo dục công dân 9
466	13/12/2021	000001	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 6
467	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
468	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
469	13/12/2021	000008	HÀ NHẬT THĂNG - SGk Giáo dục công dân 9
470	13/12/2021	000009	HÀ NHẬT THĂNG - SGk Giáo dục công dân 9
471	13/12/2021	000010	HÀ NHẬT THĂNG - SGk Giáo dục công dân 9
472	13/12/2021	000002	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 6
473	13/12/2021	000003	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 6
474	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
475	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,500	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	15,500	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	3,700	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	3,700	01	371 (075)		
					Giáo dục	HN	2004	12,000	01	57(075)		
					Giáo dục	HN	2004	12,000	01	57(075)		
					Giáo dục	HN	2004	12,000	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,700	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,700	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,700	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	13,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	3,100	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	3,100	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	3,100	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	13,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2002	10,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	7,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	7,800	01	8(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
476	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
477	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
478	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
479	13/12/2021	000009	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
480	13/12/2021	000010	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
481	13/12/2021	000011	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
482	13/12/2021	000004	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 6
483	13/12/2021	000005	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 6
484	13/12/2021	000012	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
485	13/12/2021	000013	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
486	13/12/2021	000014	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
487	13/12/2021	000015	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
488	13/12/2021	000016	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
489	13/12/2021	000017	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 9 tập hai
490	13/12/2021	000001	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
491	13/12/2021	000002	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
492	13/12/2021	000003	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
493	13/12/2021	000004	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
494	13/12/2021	000005	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
495	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 7 tập một
496	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 7 tập một
497	13/12/2021	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 7 tập một
498	13/12/2021	000006	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
499	13/12/2021	000007	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
500	13/12/2021	000008	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	7,800	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,600	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	4,700	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	10,800	01	51(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
501	13/12/2021	000009	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
502	13/12/2021	000010	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
503	13/12/2021	000011	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập một
504	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 tập hai
505	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 tập hai
506	13/12/2021	000001	NGUYỄN VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập hai
507	13/12/2021	000002	NGUYỄN VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập hai
508	13/12/2021	000003	NGUYỄN VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập hai
509	13/12/2021	000004	NGUYỄN VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập hai
510	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
511	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
512	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 6 tập một
513	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 6 tập một
514	13/12/2021	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
515	13/12/2021	000004	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
516	13/12/2021	000005	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
517	13/12/2021	000006	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
518	13/12/2021	000007	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
519	13/12/2021	000008	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
520	13/12/2021	000009	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
521	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 6 tập hai
522	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 6 tập hai
523	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 6 tập hai
524	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 6 tập hai
525	13/12/2021	000001	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	10,800	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,400	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,400	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	40,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	3,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	3,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	6,000	01	51(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
526	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập hai
527	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập hai
528	13/12/2021	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập hai
529	13/12/2021	000004	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập hai
530	13/12/2021	000005	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập hai
531	13/12/2021	000006	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập hai
532	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 7 tập một
533	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 7 tập một
534	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 7 tập một
535	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 7 tập một
536	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - bài tập ngữ văn 7 tập một
537	13/12/2021	000002	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
538	13/12/2021	000003	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
539	13/12/2021	000004	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
540	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập một
541	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập một
542	13/12/2021	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 9 tập một
543	13/12/2021	000005	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
544	13/12/2021	000006	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
545	13/12/2021	000007	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
546	13/12/2021	000008	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
547	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 8 tập hai
548	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 8 tập hai
549	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
550	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	52,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	52,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	52,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	52,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	52,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	52,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	52,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	10,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2019	47,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2019	47,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2019	47,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	45,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	45,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,500	01	8(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
551	13/12/2021	000001	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
552	13/12/2021	000002	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
553	13/12/2021	000003	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
554	13/12/2021	000004	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
555	13/12/2021	000005	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
556	13/12/2021	000006	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
557	13/12/2021	000007	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
558	13/12/2021	000008	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
559	13/12/2021	000009	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
560	13/12/2021	000010	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
561	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
562	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
563	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
564	13/12/2021	000011	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
565	13/12/2021	000012	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
566	13/12/2021	000013	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
567	13/12/2021	000014	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
568	13/12/2021	000015	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
569	13/12/2021	000016	TÔN THÂN - Bài tập Toán 6 tập hai
570	13/12/2021	000001	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
571	13/12/2021	000002	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
572	13/12/2021	000003	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
573	13/12/2021	000009	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
574	13/12/2021	000010	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
575	13/12/2021	000011	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	51(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
576	13/12/2021	000012	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
577	13/12/2021	000013	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
578	13/12/2021	000014	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
579	13/12/2021	000015	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
580	13/12/2021	000004	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
581	13/12/2021	000005	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
582	13/12/2021	000006	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
583	13/12/2021	000007	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
584	13/12/2021	000008	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
585	13/12/2021	000009	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
586	13/12/2021	000010	VŨ HỮU BÌNH - Bài tập Toán 7 tập hai
587	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập một
588	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập một
589	13/12/2021	000016	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
590	13/12/2021	000017	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
591	13/12/2021	000018	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
592	13/12/2021	000019	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
593	13/12/2021	000020	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
594	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập một
595	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập một
596	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập một
597	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập một
598	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập một
599	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập một
600	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	4,000	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	4,000	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,400	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,400	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,400	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,400	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,200	01	8(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
601	13/12/2021	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập một
602	13/12/2021	000004	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập một
603	13/12/2021	000005	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập một
604	13/12/2021	000006	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập một
605	13/12/2021	000007	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập một
606	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập hai
607	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập hai
608	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập hai
609	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập hai
610	13/12/2021	000021	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
611	13/12/2021	000022	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
612	13/12/2021	000023	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
613	13/12/2021	000024	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
614	13/12/2021	000025	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
615	13/12/2021	000026	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
616	13/12/2021	000027	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
617	13/12/2021	000028	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập một
618	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập hai
619	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập hai
620	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 8 tập hai
621	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
622	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
623	13/12/2021	000005	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
624	13/12/2021	000006	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
625	13/12/2021	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	9,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	9,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	9,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	9,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	4,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	4,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	4,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2014	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	25,000	01	4(A)(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
626	13/12/2021	000004	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
627	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập một
628	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 7 tập một
629	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 7 tập một
630	13/12/2021	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 7 tập một
631	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập một
632	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập một
633	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập một
634	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập một
635	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập một
636	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập một
637	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập một
638	13/12/2021	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng anh 7 tập hai
639	13/12/2021	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng anh 7 tập hai
640	13/12/2021	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng anh 7 tập hai
641	13/12/2021	000001	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
642	13/12/2021	000002	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
643	13/12/2021	000003	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
644	13/12/2021	000004	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
645	13/12/2021	000005	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
646	13/12/2021	000006	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
647	13/12/2021	000007	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
648	13/12/2021	000008	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
649	13/12/2021	000009	NGUYỄN KHẮC PHI - sách bài tập ngữ văn 9 tập hai
650	13/12/2021	000001	- sách bài tập giáo dục công dân 7

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	25,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	9,600	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	28,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	28,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	28,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	4,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	4,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	4,500	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,600	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	28,000	01	4(A)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	28,000	01	4(A)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2015	28,000	01	4(A)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,700	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,700	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,700	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,700	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	8,700	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	4,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	4,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	4,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	4,200	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	5,600	01	371(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
651	13/12/2021	000002	- sách bài tập giáo dục công dân 7
652	13/12/2021	000003	- sách bài tập giáo dục công dân 7
653	13/12/2021	000001	ĐẶNG THÚY ANH - sách bài tập giáo dục công dân 8
654	13/12/2021	000002	ĐẶNG THÚY ANH - sách bài tập giáo dục công dân 8
655	13/12/2021	000003	ĐẶNG THÚY ANH - sách bài tập giáo dục công dân 8
656	13/12/2021	000001	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 1)
657	13/12/2021	000002	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 1)
658	13/12/2021	000001	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 2)
659	13/12/2021	000002	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 2)
660	13/12/2021	000003	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 2)
661	13/12/2021	000001	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 3)
662	13/12/2021	000002	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 3)
663	13/12/2021	000001	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 4)
664	13/12/2021	000002	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 4)
665	13/12/2021	000003	PHẠM THẾ LONG - Tin học Dành cho trung học cơ sở (quyển 4)
666	13/12/2021	000007	NGUYỄN QUANG VINH - Sinh học 9
667	13/12/2021	000005	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập hai
668	13/12/2021	000006	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập hai
669	13/12/2021	000010	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
670	13/12/2021	000011	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng anh 6 tập một
671	13/12/2021	000009	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập một
672	13/12/2021	000010	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập một
673	13/12/2021	000012	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
674	13/12/2021	000013	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
675	13/12/2021	000007	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục công dân 6

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	5,600	01	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	5,600	01	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,000	01	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,000	01	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	6,000	01	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	10,500	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	26,000	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	24,000	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	14,300	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	14,300	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	18,300	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	18,300	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	28,000	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	23,200	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	23,200	01	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	14,200	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	48,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	48,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	48,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	48,000	01	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2021	23,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2021	23,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	20,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	20,000	01	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	12,000	01	371 (075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
676	13/12/2021	000008	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục công dân 6
677	14/12/2021	000001	LÊ XUÂN TRỌNG - Bài tập hóa học 8
678	14/12/2021	000002	LÊ XUÂN TRỌNG - Bài tập hóa học 8
679	14/12/2021	000003	LÊ XUÂN TRỌNG - Bài tập hóa học 8
680	14/12/2021	000004	LÊ XUÂN TRỌNG - Bài tập hóa học 8
681	14/12/2021	000005	LÊ XUÂN TRỌNG - Bài tập hóa học 8
682	14/12/2021	000001	LÊ XUÂN TRỌNG - Bài tập hóa học 9
683	14/12/2021	000001	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
684	14/12/2021	000002	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
685	14/12/2021	000003	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
686	14/12/2021	000004	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
687	14/12/2021	000005	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
688	14/12/2021	000006	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
689	14/12/2021	000007	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
690	14/12/2021	000008	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
691	14/12/2021	000009	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
692	14/12/2021	000010	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
693	14/12/2021	000011	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
694	14/12/2021	000012	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
695	14/12/2021	000013	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
696	14/12/2021	000014	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
697	14/12/2021	000015	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
698	14/12/2021	000016	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
699	14/12/2021	000017	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
700	14/12/2021	000018	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	12,000	01	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,700	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	5,700	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,200	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,200	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,500	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2017	11,000	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	6,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	12,600	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	6,200	01	51(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
701	14/12/2021	000019	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
702	14/12/2021	000020	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
703	14/12/2021	000021	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
704	14/12/2021	000022	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
705	14/12/2021	000023	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
706	14/12/2021	000024	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
707	14/12/2021	000025	TÔN THÂN - Bài tập Toán 8 tập 2
708	14/12/2021	000001	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
709	14/12/2021	000002	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
710	14/12/2021	000003	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
711	14/12/2021	000002	LÊ XUÂN TRỌNG - BÀI tập hóa học 9
712	14/12/2021	000003	LÊ XUÂN TRỌNG - BÀI tập hóa học 9
713	14/12/2021	000004	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
714	14/12/2021	000005	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
715	14/12/2021	000006	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
716	14/12/2021	000007	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
717	14/12/2021	000004	LÊ XUÂN TRỌNG - BÀI tập hóa học 9
718	14/12/2021	000005	LÊ XUÂN TRỌNG - BÀI tập hóa học 9
719	14/12/2021	000008	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
720	14/12/2021	000009	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
721	14/12/2021	000010	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
722	14/12/2021	000011	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
723	14/12/2021	000012	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
724	14/12/2021	000013	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
725	14/12/2021	000014	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,700	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,700	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,000	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	11,000	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	7,100	01	51(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
726	14/12/2021	000015	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
727	14/12/2021	000006	LÊ XUÂN TRỌNG - BÀI tập hóa học 9
728	14/12/2021	000007	LÊ XUÂN TRỌNG - BÀI tập hóa học 9
729	14/12/2021	000016	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
730	14/12/2021	000017	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
731	14/12/2021	000018	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
732	14/12/2021	000019	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
733	14/12/2021	000020	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
734	14/12/2021	000021	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
735	14/12/2021	000022	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
736	14/12/2021	000023	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
737	14/12/2021	000024	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
738	14/12/2021	000025	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 1
739	14/12/2021	000001	NGUYỄN ĐÌNH TÁM - Bài tập Địa lý 8
740	14/12/2021	000001	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
741	14/12/2021	000002	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
742	14/12/2021	000003	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
743	14/12/2021	000004	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
744	14/12/2021	000005	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
745	14/12/2021	000006	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
746	14/12/2021	000007	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
747	14/12/2021	000008	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
748	14/12/2021	000009	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
749	14/12/2021	000010	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
750	14/12/2021	000011	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,000	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	11,000	01	54(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	7,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,900	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	9,500	01	91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,400	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2011	6,400	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	6,400	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	6,400	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,300	01	51(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
751	14/12/2021	000012	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
752	14/12/2021	000013	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
753	14/12/2021	000014	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
754	14/12/2021	000015	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
755	14/12/2021	000016	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
756	14/12/2021	000017	TÔN THÂN - Bài tập toán 9 tập 2
757	14/12/2021	000001	ĐOÀN DUY HÌNH - Bài tập Vật lí 9
758	14/12/2021	000002	ĐOÀN DUY HÌNH - Bài tập Vật lí 9
759	14/12/2021	000003	ĐOÀN DUY HÌNH - Bài tập Vật lí 9
760	14/12/2021	000004	ĐOÀN DUY HÌNH - Bài tập Vật lí 9
761	14/12/2021	000005	ĐOÀN DUY HÌNH - Bài tập Vật lí 9
762	14/12/2021	000006	ĐOÀN DUY HÌNH - Bài tập Vật lí 9
763	14/12/2021	000001	BÙI GIA THỊNH - Bài tập Vật lí 8
764	14/12/2021	000002	BÙI GIA THỊNH - Bài tập Vật lí 8
765	14/12/2021	000003	BÙI GIA THỊNH - Bài tập Vật lí 8
766	14/12/2021	000004	BÙI GIA THỊNH - Bài tập Vật lí 8
767	14/12/2021	000005	BÙI GIA THỊNH - Bài tập Vật lí 8
768	14/12/2021	000006	BÙI GIA THỊNH - Bài tập Vật lí 8
769	14/12/2021	000001	NGUYỄN ĐỨC THÂM - Bài tập vật lí 7
770	14/12/2021	000002	NGUYỄN ĐỨC THÂM - Bài tập vật lí 7
771	14/12/2021	000001	BÙI GIA THỊNH - Bài tập vật lí 6
772	14/12/2021	000002	BÙI GIA THỊNH - Bài tập vật lí 6
773	14/12/2021	000003	BÙI GIA THỊNH - Bài tập vật lí 6
774	14/12/2021	000001	NGUYỄN QUANG VINH - Bài tập sinh học 8
775	14/12/2021	000002	NGUYỄN QUANG VINH - Bài tập sinh học 8

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	13,300	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2008	3,400	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	3,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	3,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,200	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	6,500	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	1,800	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	1,800	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,500	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,500	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,500	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,100	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,100	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,300	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,300	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2008	1,900	01	53 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2013	9,800	01	57(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,800	01	57(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
776	14/12/2021	000001	NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ - Bài tập sinh học 6
777	14/12/2021	000001	NGUYỄN SĨ QUẾ - Bài tập lịch sử 6
778	14/12/2021	000002	NGUYỄN SĨ QUẾ - Bài tập lịch sử 6
779	14/12/2021	000001	NGHIÊM ĐÌNH VỸ - Bài tập lịch sử 7
780	14/12/2021	000001	PHAN NGỌC LIÊN - bài tập lịch sử 8
781	14/12/2021	000002	PHAN NGỌC LIÊN - bài tập lịch sử 8
782	14/12/2021	000003	PHAN NGỌC LIÊN - bài tập lịch sử 8
783	14/12/2021	000001	NGUYỄN QUỐC HÙNG - Bài tập lịch sử 9
784	14/12/2021	000002	NGUYỄN QUỐC HÙNG - Bài tập lịch sử 9
785	14/12/2021	000003	NGUYỄN QUỐC HÙNG - Bài tập lịch sử 9
786	14/12/2021	000004	NGUYỄN QUỐC HÙNG - Bài tập lịch sử 9
787	16/12/2021	000001	- Sinh học 7
788	16/12/2021	000008	VŨ QUANG - Vật lí 8
789	16/12/2021	000009	VŨ QUANG - Vật lí 8
790	16/12/2021	000010	VŨ QUANG - Vật lí 8
791	16/12/2021	nghe 7-000006	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 7
792	16/12/2021	Nghe 9-000005	NGUYỄN MINH ĐUỜNG - Công nghệ 9
793	16/12/2021	000005	HOÀNG LONG - Âm nhạc và mỹ thuật 9
794	16/12/2021	000006	HOÀNG LONG - Âm nhạc và mỹ thuật 9
795	16/12/2021	000007	HOÀNG LONG - Âm nhạc và mỹ thuật 9
796	16/12/2021	000018	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập 2
797	16/12/2021	000016	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập 1
798	16/12/2021	000019	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập 1
799	16/12/2021	000015	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 7 tập 1
800	16/12/2021	000025	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập 1

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,800	01	57 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,200	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,200	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	7,900	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,500	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,500	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	9,500	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,800	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,800	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,800	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	8,800	01	9(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	14,900	01	57(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2004	49,000	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,400	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	6,400	01	53(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	11,800	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2007	3,400	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	7,400	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	8,800	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	8,800	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2009	4,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2018	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2016	7,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	6,500	01	51(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
801	16/12/2021	000026	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 9 tập 1
802	16/12/2021	000028	PHAN ĐỨC CHÍNH - Toán 8 tập 2
803	16/12/2021	000011	TÔN THÂN - Bài tập Toán 7 tập 2
804	16/12/2021	000029	TÔN THÂN - sách bài tập Toán 8 tập 1
805	17/12/2021	000008	HOÀNG VĂN VÂN - sách bài tiếng anh 6 tập một
806	17/12/2021	000009	HOÀNG VĂN VÂN - sách bài tiếng anh 6 tập một
807	17/12/2021	su va dia li 6-000001	NGUYỄN KIM HỒNG - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần địa lý
808	17/12/2021	su va dia li 6-000002	NGUYỄN KIM HỒNG - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần địa lý
809	17/12/2021	su va dia li 6-000003	HÀ BÍCH LIÊN - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần lịch sử
810	17/12/2021	su va dia li 6-000004	HÀ BÍCH LIÊN - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần lịch sử
811	17/12/2021	hoc tu nhien 6-000001	NGUYỄN VĂN KHÁNH - sách bài tập khoa học tự nhiên 6
812	17/12/2021	hoc tu nhien 6-000002	NGUYỄN VĂN KHÁNH - sách bài tập khoa học tự nhiên 6
813	17/12/2021	000001	LÊ HUY HOÀNG - Sách bài tập công nghệ 6
814	17/12/2021	000002	LÊ HUY HOÀNG - Sách bài tập công nghệ 6
815	17/12/2021	000001	NGUYỄN THỊ TOAN - sách bài tập giáo dục công dân 6
816	17/12/2021	000002	NGUYỄN THỊ TOAN - sách bài tập giáo dục công dân 6
817	17/12/2021	000001	HÀ ĐẶNG CAO TÙNG - sách bài tập tin học 6
818	17/12/2021	000002	HÀ ĐẶNG CAO TÙNG - sách bài tập tin học 6
819	17/12/2021	000005	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập hai
820	17/12/2021	000006	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập hai
821	17/12/2021	000003	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập một
822	17/12/2021	000004	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập một
823	17/12/2021	000017	ĐỖ ĐỨC THÁI - sách bài tập toán 6 tập hai
824	17/12/2021	000018	ĐỖ ĐỨC THÁI - sách bài tập toán 6 tập hai
825	17/12/2021	000012	ĐỖ ĐỨC THÁI - sách bài tập toán 6 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2005	5,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2006	5,200	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2010	8,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2012	13,100	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	32,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	32,000	01	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2021	12,000	01	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2021	12,000	01	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	12,000	01	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	12,000	01	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	27,000	01	5(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	27,000	01	5(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	10,000	01	608(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	10,000	01	608(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	10,000	01	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	10,000	01	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	15,000	01	6t7(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	15,000	01	6t7(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	14,000	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	14,000	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	13,000	01	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	13,000	01	8(076)		
					Đại học sư phạm	HN	2021	25,000	01	51(076)		
					Đại học sư phạm	HN	2021	25,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	26,000	01	51(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
826	17/12/2021	000013	ĐỖ ĐỨC THÁI - sách bài tập toán 6 tập một
827	17/12/2021	su va dia li 6-000001	NGUYỄN KIM HỒNG - lịch sử và địa lí 6
828	17/12/2021	su va dia li 6-000002	NGUYỄN KIM HỒNG - lịch sử và địa lí 6
829	17/12/2021	nghe 6-000005	LÊ HUY HOÀNG - công nghệ 6
830	17/12/2021	nghe 6-000006	LÊ HUY HOÀNG - công nghệ 6
831	17/12/2021	000010	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập một
832	17/12/2021	000011	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập một
833	17/12/2021	000015	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập hai
834	17/12/2021	000016	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập hai
835	17/12/2021	000001	TRẦN THỊ THU - sách bài tập hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
836	17/12/2021	000002	TRẦN THỊ THU - sách bài tập hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
837	17/12/2021	000001	- Khoa học tự nhiên 6
838	17/12/2021	000002	- Khoa học tự nhiên 6
839	17/12/2021	000001	- Giáo dục thể chất 6
840	17/12/2021	000002	- Giáo dục thể chất 6
841	17/12/2021	000001	- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
842	17/12/2021	000002	- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
843	17/12/2021	000001	- Mỹ Thuật 6
844	17/12/2021	000002	- Mỹ Thuật 6
845	17/12/2021	000001	- Âm nhạc 6
846	17/12/2021	000002	- Âm nhạc 6
847	14/01/2022	000002	- Bài tập Địa lý 8
848	08/02/2023	000003	VŨ HỮU BÌNH - Âm nhạc 6
849	08/02/2023	000004	VŨ HỮU BÌNH - Âm nhạc 6
850	08/02/2023	000005	VŨ HỮU BÌNH - Âm nhạc 6

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	26,000	01	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	32,000	01	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	32,000	01	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	14,000	01	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	14,000	01	608(075)		
					Đại học sư phạm	HN	2021	24,000	01	51(075)		
					Đại học sư phạm	HN	2021	24,000	01	51(075)		
					Đại học sư phạm	HN	2021	20,000	01	51(075)		
					Đại học sư phạm	HN	2021	20,000	01	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	10,000	01	37		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	10,000	01	37		
					Đại học sư phạm	HN	2021	34,000	01	5		
					Đại học sư phạm	HN	2021	34,000	01	5		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	20,000	01	37		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	20,000	01	37		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	12,000	01	37		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	12,000	01	37		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	14,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	14,000	01	7		
					Đại học sư phạm TP Hồ	HCM	2021	12,000	01	7		
					Đại học sư phạm TP Hồ	HCM	2021	12,000	01	7		
					Giáo Dục Việt Nam		2010	9,500	02	91(076)		
					Âm nhạc		2022	12,000	03	78(075)		
					Âm nhạc		2022	12,000	03	78(075)		
					Âm nhạc		2022	12,000	03	78(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
851	08/02/2023	000006	VŨ HỮU BÌNH - Âm nhạc 6
852	08/02/2023	000007	VŨ HỮU BÌNH - Âm nhạc 6
853	08/02/2023	000008	VŨ HỮU BÌNH - Âm nhạc 6
854	08/02/2023	000011	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập một
855	08/02/2023	000012	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập một
856	08/02/2023	000013	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập một
857	08/02/2023	000014	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập một
858	08/02/2023	000015	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập một
859	08/02/2023	000016	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập một
860	08/02/2023	000012	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập một
861	08/02/2023	000013	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập một
862	08/02/2023	000014	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập một
863	08/02/2023	000015	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập một
864	08/02/2023	000016	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập một
865	08/02/2023	000017	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập một
866	08/02/2023	000017	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập hai
867	08/02/2023	000018	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập hai
868	08/02/2023	000019	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập hai
869	08/02/2023	000020	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập hai
870	08/02/2023	000021	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập hai
871	08/02/2023	000022	ĐỖ ĐỨC THÁI - toán 6 tập hai
872	13/02/2023	000014	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
873	13/02/2023	000015	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập hai
874	13/02/2023	000016	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập hai
875	13/02/2023	000017	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Âm nhạc		2022	12,000	03	78(075)		
					Âm nhạc		2022	12,000	03	78(075)		
					Âm nhạc		2022	12,000	03	78(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	23,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	23,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	23,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	23,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	23,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	23,000	03	8(075)		
					Đại học sư phạm		2022	24,000	03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022	24,000	03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022	24,000	03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022	24,000	03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022	24,000	03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022	24,000	03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022		03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022		03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022		03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022		03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022		03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022		03	51(075)		
					Đại học sư phạm		2022		03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	20,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	8(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
876	13/02/2023	000018	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập hai
877	13/02/2023	000019	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập hai
878	13/02/2023	000012	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập một
879	13/02/2023	000013	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập một
880	13/02/2023	000014	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập một
881	13/02/2023	000015	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập một
882	13/02/2023	000016	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập một
883	13/02/2023	000017	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập một
884	13/02/2023	000007	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập hai
885	13/02/2023	000008	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập hai
886	13/02/2023	000009	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập hai
887	13/02/2023	000010	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập hai
888	13/02/2023	000011	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập hai
889	13/02/2023	000012	HOÀNG VĂN VĂN - Tiếng anh 6 tập hai
890	13/02/2023	000001	LÊ HUY HOÀNG - công nghệ 6
891	13/02/2023	000002	LÊ HUY HOÀNG - công nghệ 6
892	13/02/2023	000003	LÊ HUY HOÀNG - công nghệ 6
893	13/02/2023	000004	LÊ HUY HOÀNG - công nghệ 6
894	13/02/2023	000005	LÊ HUY HOÀNG - công nghệ 6
895	13/02/2023	000006	LÊ HUY HOÀNG - công nghệ 6
896	13/02/2023	000001	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 6
897	13/02/2023	000002	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 6
898	13/02/2023	000003	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 6
899	13/02/2023	000004	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 6
900	13/02/2023	000005	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 6

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	48,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	6T7(075)		

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
901	13/02/2023	000006	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 6
902	13/02/2023	000003	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
903	13/02/2023	000004	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
904	13/02/2023	000005	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
905	13/02/2023	000006	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
906	13/02/2023	000007	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
907	13/02/2023	000008	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
908	13/02/2023	000009	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục công dân 6
909	13/02/2023	000010	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục công dân 6
910	13/02/2023	000011	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục công dân 6
911	13/02/2023	000012	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục công dân 6
912	13/02/2023	000013	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục công dân 6
913	13/02/2023	000014	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục công dân 6
914	13/02/2023	000003	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 6
915	13/02/2023	000004	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 6
916	13/02/2023	000005	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 6
917	13/02/2023	000006	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 6
918	13/02/2023	000007	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 6
919	13/02/2023	000008	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 6
920	13/02/2023	000001	HÀ BÍCH LIÊN - lịch sử và địa lí 6
921	13/02/2023	000002	HÀ BÍCH LIÊN - lịch sử và địa lí 6
922	13/02/2023	000003	HÀ BÍCH LIÊN - lịch sử và địa lí 6
923	13/02/2023	000004	HÀ BÍCH LIÊN - lịch sử và địa lí 6
924	13/02/2023	000005	HÀ BÍCH LIÊN - lịch sử và địa lí 6
925	13/02/2023	000006	HÀ BÍCH LIÊN - lịch sử và địa lí 6

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	37		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	37		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	37		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	37		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	37		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	37		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	7		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	7		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	7		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	7		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	7		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	9+91(075)		

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
926	14/02/2023	000020	NGUYỄN KHẮC PHI - ngữ văn 6 tập hai
927	14/02/2023	000021	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ văn 6 tập hai
928	15/02/2023	000003	MAI SỸ TUẤN - Khoa học tự nhiên 6
929	15/02/2023	000004	MAI SỸ TUẤN - Khoa học tự nhiên 6
930	15/02/2023	000005	MAI SỸ TUẤN - Khoa học tự nhiên 6
931	15/02/2023	000006	MAI SỸ TUẤN - Khoa học tự nhiên 6
932	15/02/2023	000007	MAI SỸ TUẤN - Khoa học tự nhiên 6
933	15/02/2023	000008	MAI SỸ TUẤN - Khoa học tự nhiên 6
934	15/02/2023	000003	HỒ ĐẮC SƠN - Giáo dục thể chất 6
935	15/02/2023	000004	HỒ ĐẮC SƠN - Giáo dục thể chất 6
936	15/02/2023	000005	HỒ ĐẮC SƠN - Giáo dục thể chất 6
937	15/02/2023	000006	HỒ ĐẮC SƠN - Giáo dục thể chất 6
938	15/02/2023	000007	HỒ ĐẮC SƠN - Giáo dục thể chất 6
939	15/02/2023	000008	HỒ ĐẮC SƠN - Giáo dục thể chất 6
940	17/02/2023	000003	HÀ ĐẶNG CAO TÙNG - Bài tập tin học 6
941	17/02/2023	000004	HÀ ĐẶNG CAO TÙNG - Bài tập tin học 6
942	17/02/2023	000005	HÀ ĐẶNG CAO TÙNG - Bài tập tin học 6
943	17/02/2023	000006	HÀ ĐẶNG CAO TÙNG - Bài tập tin học 6
944	17/02/2023	000007	HÀ ĐẶNG CAO TÙNG - Bài tập tin học 6
945	17/02/2023	000008	HÀ ĐẶNG CAO TÙNG - Bài tập tin học 6
946	17/02/2023	000001	NGUYỄN VĂN KHÁNH - Bài tập khoa học tự nhiên 6
947	17/02/2023	000002	NGUYỄN VĂN KHÁNH - Bài tập khoa học tự nhiên 6
948	17/02/2023	000003	NGUYỄN VĂN KHÁNH - Bài tập khoa học tự nhiên 6
949	17/02/2023	000004	NGUYỄN VĂN KHÁNH - Bài tập khoa học tự nhiên 6
950	17/02/2023	000005	NGUYỄN VĂN KHÁNH - Bài tập khoa học tự nhiên 6

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam	HN	2021	20,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2021	20,000	03	8(075)		
					Đại học sư phạm		2022	34,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	34,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	34,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	34,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	34,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	34,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	34,000	03	5		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	20,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	6t7(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	6t7(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	6t7(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	6t7(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	6t7(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	6t7(076)		
					Đại học sư phạm		2022	27,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	27,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	27,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	27,000	03	5		
					Đại học sư phạm		2022	27,000	03	5		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
951	17/02/2023	000006	NGUYỄN VĂN KHÁNH - Bài tập khoa học tự nhiên 6
952	17/02/2023	000003	HÀ BÍCH LIÊN - Bài tập và lịch sử và địa lý 6 phần lịch sử
953	17/02/2023	000004	HÀ BÍCH LIÊN - Bài tập và lịch sử và địa lý 6 phần lịch sử
954	17/02/2023	000005	HÀ BÍCH LIÊN - Bài tập và lịch sử và địa lý 6 phần lịch sử
955	17/02/2023	000006	HÀ BÍCH LIÊN - Bài tập và lịch sử và địa lý 6 phần lịch sử
956	17/02/2023	000007	HÀ BÍCH LIÊN - Bài tập và lịch sử và địa lý 6 phần lịch sử
957	17/02/2023	000008	HÀ BÍCH LIÊN - Bài tập và lịch sử và địa lý 6 phần lịch sử
958	17/02/2023	000001	NGUYỄN KIM HỒNG - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần địa lý
959	17/02/2023	000002	NGUYỄN KIM HỒNG - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần địa lý
960	17/02/2023	000003	NGUYỄN KIM HỒNG - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần địa lý
961	17/02/2023	000004	NGUYỄN KIM HỒNG - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần địa lý
962	17/02/2023	000005	NGUYỄN KIM HỒNG - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần địa lý
963	17/02/2023	000006	NGUYỄN KIM HỒNG - sách bài tập lịch sử và địa lí 6 phần địa lý
964	17/02/2023	000003	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 6
965	17/02/2023	000004	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 6
966	17/02/2023	000005	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 6
967	17/02/2023	000006	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 6
968	17/02/2023	000007	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 6
969	17/02/2023	000008	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 6
970	17/02/2023	000014	ĐỖ ĐỨC THÁI - bài tập toán 6 tập một
971	17/02/2023	000015	ĐỖ ĐỨC THÁI - bài tập toán 6 tập một
972	17/02/2023	000016	ĐỖ ĐỨC THÁI - bài tập toán 6 tập một
973	17/02/2023	000017	ĐỖ ĐỨC THÁI - bài tập toán 6 tập một
974	17/02/2023	000018	ĐỖ ĐỨC THÁI - bài tập toán 6 tập một
975	17/02/2023	000019	ĐỖ ĐỨC THÁI - bài tập toán 6 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Đại học sư phạm		2022	27,000	03	5		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371(076)		
					Đại học sư phạm		2022	26,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	26,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	26,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	26,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	26,000	03	51(076)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
976	17/02/2023	000019	ĐỖ ĐỨC THÁI - Bài tập Toán 6 tập hai
977	17/02/2023	000020	ĐỖ ĐỨC THÁI - Bài tập Toán 6 tập hai
978	17/02/2023	000021	ĐỖ ĐỨC THÁI - Bài tập Toán 6 tập hai
979	17/02/2023	000022	ĐỖ ĐỨC THÁI - Bài tập Toán 6 tập hai
980	17/02/2023	000023	ĐỖ ĐỨC THÁI - Bài tập Toán 6 tập hai
981	17/02/2023	000024	ĐỖ ĐỨC THÁI - Bài tập Toán 6 tập hai
982	17/02/2023	000005	BÙI MẠNH HÙNG - Bài tập ngữ văn lớp 6 tập một
983	17/02/2023	000006	BÙI MẠNH HÙNG - Bài tập ngữ văn lớp 6 tập một
984	17/02/2023	000007	BÙI MẠNH HÙNG - Bài tập ngữ văn lớp 6 tập một
985	17/02/2023	000008	BÙI MẠNH HÙNG - Bài tập ngữ văn lớp 6 tập một
986	17/02/2023	000009	BÙI MẠNH HÙNG - Bài tập ngữ văn lớp 6 tập một
987	17/02/2023	000010	BÙI MẠNH HÙNG - Bài tập ngữ văn lớp 6 tập một
988	17/02/2023	000007	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập hai
989	17/02/2023	000008	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập hai
990	17/02/2023	000009	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập hai
991	17/02/2023	000010	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập hai
992	17/02/2023	000011	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập hai
993	17/02/2023	000012	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 6 tập hai
994	17/02/2023	000010	HOÀNG VĂN VÂN - sách bài tiếng anh 6 tập một
995	17/02/2023	000011	HOÀNG VĂN VÂN - sách bài tiếng anh 6 tập một
996	17/02/2023	000012	HOÀNG VĂN VÂN - sách bài tiếng anh 6 tập một
997	17/02/2023	000013	HOÀNG VĂN VÂN - sách bài tiếng anh 6 tập một
998	17/02/2023	000014	HOÀNG VĂN VÂN - sách bài tiếng anh 6 tập một
999	17/02/2023	000015	HOÀNG VĂN VÂN - sách bài tiếng anh 6 tập một
1000	17/02/2023	000007	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Đại học sư phạm		2022	25,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	25,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	25,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	25,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	25,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	25,000	03	51(076)		
					Đại học sư phạm		2022	25,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	8(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1001	17/02/2023	000008	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
1002	17/02/2023	000009	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
1003	17/02/2023	000010	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
1004	17/02/2023	000011	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
1005	17/02/2023	000012	HOÀNG VĂN VÂN - Sách bài tập Tiếng Anh 6 tập hai
1006	17/02/2023	000001	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1007	17/02/2023	000002	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1008	17/02/2023	000003	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1009	17/02/2023	000004	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1010	17/02/2023	000005	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1011	17/02/2023	000006	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1012	17/02/2023	000007	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1013	17/02/2023	000008	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1014	17/02/2023	000009	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1015	17/02/2023	000010	HÀ ĐĂNG CAO TÙNG - Bài tập Tin học 7
1016	17/02/2023	000004	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1017	17/02/2023	000005	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1018	17/02/2023	000006	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1019	17/02/2023	000007	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1020	17/02/2023	000008	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1021	17/02/2023	000009	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1022	17/02/2023	000010	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1023	17/02/2023	000011	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1024	17/02/2023	000012	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7
1025	17/02/2023	000013	NGUYỄN THỊ TOÀN - sách bài tập giáo dục công dân 7

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	32,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	14,000	03	6T7 (076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1026	20/02/2023	000012	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập Toán 7 tập hai
1027	20/02/2023	000013	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập Toán 7 tập hai
1028	20/02/2023	000014	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập Toán 7 tập hai
1029	20/02/2023	000015	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập Toán 7 tập hai
1030	20/02/2023	000016	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập Toán 7 tập hai
1031	20/02/2023	000017	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập Toán 7 tập hai
1032	20/02/2023	000018	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập Toán 7 tập hai
1033	20/02/2023	000019	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập Toán 7 tập hai
1034	20/02/2023	000020	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1035	20/02/2023	000021	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1036	20/02/2023	000022	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1037	20/02/2023	000023	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1038	20/02/2023	000024	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1039	20/02/2023	000025	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1040	20/02/2023	000026	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1041	20/02/2023	000027	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1042	20/02/2023	000028	NGUYỄN HUY ĐOAN - Bài tập toán 7 tập 1
1043	20/02/2023	000006	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1044	20/02/2023	000007	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1045	20/02/2023	000008	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1046	20/02/2023	000009	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1047	20/02/2023	000010	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1048	20/02/2023	000011	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1049	20/02/2023	000012	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1050	20/02/2023	000013	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	19,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	19,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	19,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	19,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	19,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	19,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	19,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	19,000	03	51(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1051	20/02/2023	000014	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1052	20/02/2023	000015	BÙI MẠNH HÙNG - bài tập ngữ văn 7 tập một
1053	20/02/2023	000006	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1054	20/02/2023	000007	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1055	20/02/2023	000008	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1056	20/02/2023	000009	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1057	20/02/2023	000010	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1058	20/02/2023	000011	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1059	20/02/2023	000012	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1060	20/02/2023	000013	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1061	20/02/2023	000014	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1062	20/02/2023	000015	BÙI MẠNH HÙNG - sách bài tập ngữ văn 7 tập hai
1063	20/02/2023	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1064	20/02/2023	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1065	20/02/2023	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1066	20/02/2023	000004	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1067	20/02/2023	000005	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1068	20/02/2023	000006	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1069	20/02/2023	000007	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1070	20/02/2023	000008	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1071	20/02/2023	000009	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1072	20/02/2023	000010	HOÀNG VĂN VÂN - Bài tập Tiếng anh 7
1073	20/02/2023	-000001	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1074	20/02/2023	-000002	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1075	20/02/2023	-000003	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	8(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	60,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	60,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	60,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	60,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	60,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	60,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	60,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	60,000	03	4(A)(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	9+91(076)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	9+91(076)		

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1076	20/02/2023	-000004	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1077	20/02/2023	-000005	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1078	20/02/2023	-000006	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1079	20/02/2023	-000007	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1080	20/02/2023	-000008	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1081	20/02/2023	-000009	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1082	20/02/2023	-000010	NGUYỄN THỊ CÔI - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần lịch sử
1083	20/02/2023	-000011	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1084	20/02/2023	-000012	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1085	20/02/2023	-000013	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1086	20/02/2023	-000014	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1087	20/02/2023	-000015	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1088	20/02/2023	-000016	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1089	20/02/2023	-000017	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1090	20/02/2023	-000018	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1091	20/02/2023	-000019	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1092	20/02/2023	-000020	NGUYỄN ĐÌNH GIANG - Bài tập Lịch sử và địa lý 7 - Phần Địa lý
1093	20/02/2023	000001	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1094	20/02/2023	000002	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1095	20/02/2023	000003	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1096	20/02/2023	000004	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1097	20/02/2023	000005	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1098	20/02/2023	000006	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1099	20/02/2023	000007	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1100	20/02/2023	000008	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1101	20/02/2023	000009	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1102	20/02/2023	000010	VŨ VĂN HÙNG - Bài tập khoa học tự nhiên 7
1103	20/02/2023	000001	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1104	20/02/2023	000002	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1105	20/02/2023	000003	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1106	20/02/2023	000004	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1107	20/02/2023	000005	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1108	20/02/2023	000006	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1109	20/02/2023	000007	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1110	20/02/2023	000008	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1111	20/02/2023	000009	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1112	20/02/2023	000010	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Bài tập Mĩ Thuật 7
1113	22/02/2023	000001	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1114	22/02/2023	000002	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1115	22/02/2023	000003	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1116	22/02/2023	000004	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1117	22/02/2023	000005	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1118	22/02/2023	000006	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1119	22/02/2023	000007	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1120	22/02/2023	000008	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1121	22/02/2023	000009	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1122	22/02/2023	000010	VŨ VĂN HÙNG - Khoa học tự nhiên 7 SGK
1123	22/02/2023	000001	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1124	22/02/2023	000002	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1125	22/02/2023	000003	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1126	22/02/2023	000004	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1127	22/02/2023	000005	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1128	22/02/2023	000006	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1129	22/02/2023	000007	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1130	22/02/2023	000008	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1131	22/02/2023	000009	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1132	22/02/2023	000010	HOÀNG VĂN VÂN - Tiếng Anh 7 SGK
1133	22/02/2023	000001	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1134	22/02/2023	000002	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1135	22/02/2023	000003	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1136	22/02/2023	000004	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1137	22/02/2023	000005	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1138	22/02/2023	000006	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1139	22/02/2023	000007	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1140	22/02/2023	000008	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1141	22/02/2023	000009	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1142	22/02/2023	000010	NGUYỄN CHÍ CÔNG - Tin học 7 SGK
1143	22/02/2023	000001	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1144	22/02/2023	000002	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1145	22/02/2023	000003	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1146	22/02/2023	000004	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1147	22/02/2023	000005	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1148	22/02/2023	000006	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1149	22/02/2023	000007	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1150	22/02/2023	000008	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	80,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	80,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	80,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	80,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	80,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	80,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	80,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	80,000	03	4(A)(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	6T7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	37(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1151	22/02/2023	000009	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1152	22/02/2023	000010	LƯU THU THỦY - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 SGK
1153	22/02/2023	000013	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập một SGK
1154	22/02/2023	000014	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập một SGK
1155	22/02/2023	000015	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập một SGK
1156	22/02/2023	000016	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập một SGK
1157	22/02/2023	000017	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập một SGK
1158	22/02/2023	000018	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập một SGK
1159	22/02/2023	000019	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập một SGK
1160	22/02/2023	000020	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập một SGK
1161	22/02/2023	000019	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập hai SGK
1162	22/02/2023	000020	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập hai SGK
1163	22/02/2023	000021	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập hai SGK
1164	22/02/2023	000022	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập hai SGK
1165	22/02/2023	000023	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập hai SGK
1166	22/02/2023	000024	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập hai SGK
1167	22/02/2023	000025	BÙI MẠNH HÙNG - Ngữ Văn 7 tập hai SGK
1168	22/02/2023	000017	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một
1169	22/02/2023	000018	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một
1170	22/02/2023	000019	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một
1171	22/02/2023	000020	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một
1172	22/02/2023	000021	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một
1173	22/02/2023	000022	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một
1174	22/02/2023	000023	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một
1175	22/02/2023	000024	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1176	22/02/2023	000025	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập một
1177	22/02/2023	000019	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập hai
1178	22/02/2023	000020	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập hai
1179	22/02/2023	000021	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập hai
1180	22/02/2023	000022	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập hai
1181	22/02/2023	000023	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập hai
1182	22/02/2023	000024	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập hai
1183	22/02/2023	000025	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập hai
1184	22/02/2023	000026	HÀ HUY KHOÁI - Toán 7 tập hai
1185	22/02/2023	000001	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1186	22/02/2023	000002	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1187	22/02/2023	000003	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1188	22/02/2023	000004	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1189	22/02/2023	000005	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1190	22/02/2023	000006	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1191	22/02/2023	000007	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1192	22/02/2023	000008	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1193	22/02/2023	000009	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1194	22/02/2023	000010	VŨ MINH GIANG - Lịch sử và Địa lý 7
1195	22/02/2023	000001	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1196	22/02/2023	000002	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1197	22/02/2023	000003	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1198	22/02/2023	000004	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1199	22/02/2023	000005	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1200	22/02/2023	000006	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	18,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	17,000	03	51(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	26,000	03	9+91(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1201	22/02/2023	000007	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1202	22/02/2023	000008	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1203	22/02/2023	000009	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1204	22/02/2023	000010	NGUYỄN DUY QUYẾT - Giáo dục thể chất 7
1205	22/02/2023	000011	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1206	22/02/2023	000012	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1207	22/02/2023	000013	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1208	22/02/2023	000014	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1209	22/02/2023	000015	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1210	22/02/2023	000016	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1211	22/02/2023	000017	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1212	22/02/2023	000018	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1213	22/02/2023	000019	NGUYỄN THỊ TOAN - Giáo dục Công dân 7
1214	22/02/2023	000001	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1215	22/02/2023	000002	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1216	22/02/2023	000003	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1217	22/02/2023	000004	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1218	22/02/2023	000005	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1219	22/02/2023	000006	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1220	22/02/2023	000007	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1221	22/02/2023	000008	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1222	22/02/2023	000009	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1223	22/02/2023	000010	NGUYỄN THỊ NHUNG - Mĩ Thuật 7
1224	22/02/2023	000001	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1225	22/02/2023	000002	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	15,000	03	7A(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	10,000	03	371 (075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	13,000	03	7(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		

Năm: 2022

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1226	22/02/2023	000003	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1227	22/02/2023	000004	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1228	22/02/2023	000005	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1229	22/02/2023	000006	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1230	22/02/2023	000007	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1231	22/02/2023	000008	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1232	22/02/2023	000009	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1233	22/02/2023	000010	LÊ HUY HOÀNG - Công nghệ 7
1234	22/02/2023	000001	HOÀNG LONG - Âm nhạc 7
1235	22/02/2023	000002	HOÀNG LONG - Âm nhạc 7
1236	22/02/2023	000003	HOÀNG LONG - Âm nhạc 7

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN			Giá tiền	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày vào sổ biên xuất bản	Ghi chú
2018	2019	2020	2021	2022	Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	12,000	03	608(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	11,000	03	78(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	11,000	03	78(075)		
					Giáo Dục Việt Nam		2022	11,000	03	78(075)		